

Bản án số: 4M/2019/HC-PT

Ngày 14-5-2019

V/v khiếu kiện Quyết định hành
chính trong lĩnh vực thuế.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Bảo Nguyên

Các Thẩm phán:

Bà Lê Thu Thủy

Bà Huỳnh Thụy Xuân Vinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thái Ngọc Huyền.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2019 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (số 131 đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh) xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 27/2019/TLPT-HC ngày 15 tháng 01 năm 2019 về “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực thuế”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 09/2018/HC-ST ngày 21 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1305/2019/QĐ-PT ngày 22 tháng 3 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 2536/2019/QĐ-PT ngày 22 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Ông Trần Văn T.

Địa chỉ: số 30 Phường H, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện ủy quyền: Ông Lê Trường H.

Địa chỉ: số 119B/58/7 Phường H, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo Giấy ủy quyền lập ngày 13/8/2018 tại Văn phòng Công chứng Phú Nhuận.

(Ông T vắng mặt, ông H có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Trần Văn T:

Ông Nguyễn Hoàng H1- Luật sư thuộc Đoàn Luật sư Bình Dương, thuộc Công ty Luật TNHH Credent.

(Luật sư H1 có mặt).

Người bị kiện:

Chi cục trưởng Chi cục Thuế Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Mai Văn Q-Chi cục trưởng Chi cục Thuế Quận M.

Địa chỉ: 282A, phường A, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Trung T – Phó Chi cục trưởng Chi cục Thuế Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo Giấy ủy quyền số 01/GUQ-CCT ngày 04/4/2019).

(Ông Q, bà T vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chi cục trưởng Chi cục Thuế Quận M: Bà Đặng Thị P và ông A Văn T1.

(Bà P, ông T1 có mặt).

3. *Người kháng cáo:* Ông Trần Văn T.

Địa chỉ: số 30 Phường H, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện ủy quyền: Ông Lê Trường H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện nộp ngày 18/9/2018, cùng các tài liệu, chứng cứ đã thu thập, ông Trần Văn T có ông Lê Trường H đại diện, đã trình bày:*

Vào ngày 17/03/2018, ông T làm thủ tục xuất cảnh tại cửa khẩu sân bay quốc tế Nội Bài thì bị Công an cửa khẩu sân bay quốc tế Nội Bài lập Biên bản số 0155/BBDXC/ANCK-NB yêu cầu dừng xuất cảnh vì có Thông báo số 2588/CCT-KTr4 ngày 23/10/2017 của Chi cục Thuế Quận M yêu cầu tạm dừng xuất cảnh với ông T. Qua tìm hiểu, ông T được biết vì Công ty TNHH may I (gọi tắt là công ty I) nợ thuế, không còn hoạt động tại địa chỉ đăng ký kinh doanh nên ông T làm đại diện theo pháp luật cũng là thành viên góp vốn công ty bị Chi cục Thuế Quận M yêu cầu dừng xuất cảnh.

Theo ông T, Thông báo số 2588/CCT-KTr4 ngày 23/10/2017 của Chi cục Thuế Quận M là không có căn cứ và hoàn toàn trái với quy định của pháp luật, vì:

Thứ nhất, ông T không nợ thuế.

Công ty I hiện đang nợ thuế và hiện không còn hoạt động tại địa chỉ đăng ký kinh doanh nhưng không thông báo địa chỉ kinh doanh mới là “vi phạm pháp luật về thuế” nhưng cá nhân ông T không nợ thuế nên yêu cầu tạm dừng xuất cảnh đối với ông T là không đúng. Mặc dù, Công ty I do ông T làm đại diện theo pháp luật, giữ chức danh giám đốc và là thành viên góp vốn nhưng Công ty I là một chủ thể có tư cách pháp nhân độc lập, nhân danh mình thực hiện các quan hệ pháp luật trong đó có pháp luật về thuế, về xử lý vi phạm hành chính..., cá nhân ông T không có vi phạm pháp luật về thuế nên Chi cục thuế Quận M không được yêu cầu tạm dừng xuất cảnh đối với ông T.

Thứ hai, theo các quy định pháp luật về tạm dừng xuất cảnh hiện nay:

-Khoản 4 Điều 21 Nghị định số 136/2007/NĐ-CP quy định:

“Công dân Việt Nam ở trong nước chưa được xuất cảnh nếu thuộc một trong những trường hợp sau đây:

.....

4. Đang có nghĩa vụ chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, nghĩa vụ nộp thuế và những nghĩa vụ khác về tài chính trừ trường hợp có đặt tiền, đặt tài sản hoặc có biện pháp bảo đảm khác để thực hiện nghĩa vụ đó”

-Điều 53 Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 (được sửa đổi bổ sung bởi: Luật số 21 /20M/QH13, Luật số 106/2016/QH13), quy định:

“Người Việt Nam xuất cảnh để định cư ở nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, người nước ngoài trước khi xuất cảnh từ Việt Nam phải hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế. Cơ quan quản lý xuất nhập cảnh có trách nhiệm dừng việc xuất cảnh của cá nhân trong trường hợp chưa hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế theo thông báo của cơ quan quản lý thuế.”

- Các văn bản hướng dẫn Luật quản lý thuế:

Khoản 1 Điều 40 Nghị định số 83/2013/ND-CP(được sửa đổi bởi Điều 5 Nghị định số M/2015/NĐ-CP) Xác nhận hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế.

“1.Người Việt Nam xuất cảnh để định cư ở nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, người nước ngoài trước khi xuất cảnh từ Việt Nam phải hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế. Cơ quan quản lý xuất nhập cảnh có trách nhiệm dừng việc xuất cảnh của cá nhân khi có thông báo bằng văn bản hoặc thông tin điện tử từ cơ quan quản lý thuế về việc người dự kiến xuất cảnh chưa hoàn thành nghĩa vụ thuế theo quy định của pháp luật trước khi xuất cảnh.”

Khoản 1 Điều 40 Thông tư số 156/2013/TT-BTC (được sửa đổi theo quy định tại khoản M Điều 2 Thông tư số 26/2015/TT-BTC) “Hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế trong trường hợp cấm xuất cảnh:

1.Người Việt Nam xuất cảnh để định cư ở nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, người nước ngoài trước khi xuất cảnh từ Việt Nam phải hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế.”

Như vậy, tất cả các quy định được dẫn chiếu nêu trên hoàn toàn không có quy định: Khi doanh nghiệp vi phạm pháp luật về thuế thì người đại diện theo pháp luật, giám đốc, thành viên góp vốn bị tạm dừng xuất cảnh. Vậy dựa vào đầu Chi cục Thuế Quận M thông báo để yêu cầu Cục quản lý xuất nhập cảnh tạm dừng xuất cảnh đối với ông T.

Yêu cầu tạm dừng xuất cảnh đối với ông T của Chi Cục Thuế Quận M là không có căn cứ, trái với pháp luật, từ yêu cầu này nên Cục quản lý xuất nhập cảnh không cho ông T xuất cảnh làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông T, ảnh hưởng đến việc đàm phán, ký kết và thực hiện hợp đồng của ông T đối với các đối tác nước ngoài, gây rất nhiều thiệt hại cho ông T. Không những thế việc này còn làm ảnh hưởng đến danh dự, uy tín cá nhân của ông T.

Nay ông T yêu cầu Tòa án giải quyết các yêu cầu sau:

-Tuyên hủy Thông báo số 2588/CCT-KTr4 ngày 23/10/2017của Chi cục Thuế Quận M về yêu cầu cơ quan có thẩm quyền dừng xuất cảnh và những văn bản khác liên quan đến việc yêu cầu dừng xuất cảnh đối với ông T.

-Bồi thường thiệt hại về danh dự cũng như thiệt hại do ông T không được xuất cảnh, tổng số tiền là 100.000.000 đồng.

-Xin lỗi công khai ông Trần Văn T bằng hình thức văn bản và bằng 03 số báo liên tiếp của cơ quan báo chí cấp trung ương.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Lê Trường H là người đại diện hợp pháp của ông T thay đổi yêu cầu khởi kiện như sau:

-Tuyên hủy Thông báo số 2588/CCT-KTr4 ngày 23/10/2017 của Chi cục Thuế Quận M yêu cầu cơ quan có thẩm quyền dừng xuất cảnh.

-Buộc Chi cục thuế Quận M bồi thường thiệt hại về danh dự cũng như thiệt hại do ông T không được xuất cảnh, tổng số tiền là 50.000.000 đồng.

-Xin lỗi công khai ông Trần Văn T bằng hình thức văn bản và bằng 03 số báo liên tiếp của cơ quan báo chí cấp trung ương.

**Tại văn bản số 2769/CCT-KTr4 Chi cục trưởng Chi cục thuế Quận M có bà Nguyễn Thị Trung T đại diện trình bày:*

1.Tóm tắt vụ việc liên quan đến nội dung khiếu kiện:

1.1.Ông Trần Văn T là đại diện pháp luật, giám đốc, người góp vốn của công ty I. Căn cứ theo thông tin trên hệ thống TMS và cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp:

-Công ty TNHH May I (loại hình Công ty TNHH một thành viên).

- Giấy CNĐKKD: 0301M4591 cấp lần đầu ngày 31/10/1995. Nơi Cấp: Sở KHĐT TP. Hồ Chí Minh.

- Mã số thuế: 0301M4591.

- Địa chỉ: Số 20A Tô Ngọc Vân, phường X, Quận M, TPHCM.

- Loại hình doanh nghiệp: Công ty TNHH Một Thành Viên.

- Ngành nghề kinh doanh: May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú).

- Tình hình nợ thuế: Đến 10/2017 Công ty I nợ tiền thuế và tiền chậm nộp 757.605.604 đồng.

Chi cục thuế Quận M đã thực hiện các biện pháp cưỡng chế theo quy định của Luật Quản lý thuế như: Cưỡng chế trích tiền từ tài khoản ngân hàng của công ty, cưỡng chế bằng biện pháp thông báo hoá đơn không còn giá trị sử dụng, cưỡng chế bằng biện pháp thu hồi Giấy chứng nhận, Giấy phép đối với công ty I.

Chi cục Thuế Quận M đã ban hành Thông báo số 11892/TB-CCT ngày 20/10/2017 về việc người nộp thuế không còn hoạt động tại địa chỉ đăng ký với cơ quan thuế đối với Công ty I. Đồng thời, ban hành văn bản số 2587/CCT-KTr4 ngày 23/10/2017 gửi cơ quan Công an phối hợp xử lý đối với doanh nghiệp bỏ địa chỉ kinh doanh còn nợ thuế và văn bản số 2588/CCT-KTr4 ngày 23/10/2017 gửi Cục Quản lý xuất nhập cảnh về việc dừng xuất cảnh đối với ông Trần Văn T – Là đại diện theo pháp luật và là chủ sở hữu của Công ty I.

Đến thời điểm hiện tại do Công ty I vẫn chưa chấp hành nộp tiền nợ thuế và tiền chậm nộp vào Ngân sách nhà nước và không có văn bản đề nghị khôi phục mã số thuế nên Chi cục thuế Quận M chưa thực hiện khôi phục mã số thuế cho Công ty và chưa ban hành thông báo giải tỏa Thông báo dừng xuất cảnh đối với ông T.

1.2. Xử lý vụ việc liên quan đến nội dung khiếu kiện của ông Trần Văn T

Căn cứ pháp lý:

Quy định về nghĩa vụ thuế đối với Doanh nghiệp:

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2014 quy định:

“Điều 8. Nghĩa vụ của doanh nghiệp

...3. Kê khai thuế, nộp thuế và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.

...6. Thực hiện đầy đủ, kịp thời các nghĩa vụ về đăng ký doanh nghiệp, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, công khai thông tin về thành lập và hoạt động, báo cáo và các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.”

“Điều 73. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên

1. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên là doanh nghiệp do một tổ chức hoặc một cá nhân làm chủ sở hữu (sau đây gọi là chủ sở hữu công ty); chủ sở hữu công ty chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi số vốn điều lệ của công ty.

2. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên có tư cách pháp nhân kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp.”

Theo điều 8 Luật Doanh nghiệp, doanh nghiệp có nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp này, ông T là chủ sở hữu của Công ty I (thuộc loại hình công ty TNHH một thành viên) thì cá nhân ông T phải có trách nhiệm thanh toán khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi số vốn điều lệ của công ty;

Quy định về xuất cảnh:

-Khoản 4 Điều 21 Nghị định số 136/2007/NĐ-CP ngày 18/08/2007 về xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam quy định:

“Công dân Việt Nam ở trong nước chưa được xuất cảnh nếu thuộc một trong những trường hợp sau đây:

...

4. Đang có nghĩa vụ chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, nghĩa vụ nộp thuế và những nghĩa vụ khác về tài chính trừ trường hợp có đặt tiền, đặt tài sản hoặc có biện pháp bảo đảm khác để thực hiện nghĩa vụ đó.”

- Luật Quản lý thuế 78/2006/QH11 ngày 29/11/2006 quy định:

“Điều 53. Hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế trong trường hợp xuất cảnh

Người Việt Nam xuất cảnh để định cư ở nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, người nước ngoài trước khi xuất cảnh từ Việt Nam phải hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế. Cơ quan quản lý xuất nhập cảnh có trách nhiệm dừng việc xuất cảnh của cá nhân trong trường hợp chưa hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế theo thông báo của cơ quan quản lý thuế.

“Điều 54. Hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế trong trường hợp giải thể phá sản, chấm dứt hoạt động”

-Khoản 10 Điều 5 Nghị định số M/2015/NĐ-CP ngày M/02/2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Điều 40 Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/07/2013 của Chính phủ quy định:

“Người Việt Nam xuất cảnh để định cư ở nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, người nước ngoài trước khi xuất cảnh từ Việt Nam phải hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế. Cơ quan quản lý xuất nhập cảnh có trách nhiệm dừng việc xuất cảnh của cá nhân khi có thông báo bằng văn bản hoặc thông tin điện tử từ cơ quan quản lý thuế về việc người dự kiến xuất cảnh chưa hoàn thành nghĩa vụ thuế theo quy định của pháp luật trước khi xuất cảnh.”

-Khoản M Điều 2 Thông tư 26/2015/TT-BTC ngày 27/02/2015 của Bộ Tài Chính sửa đổi Điều 40 Thông tư 156/2013-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài Chính quy định:

“M. Sửa đổi Điều 40 như sau:

Điều 40. Hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế trong trường hợp xuất cảnh

1. Người Việt Nam xuất cảnh để định cư ở nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, người nước ngoài trước khi xuất cảnh từ Việt Nam phải hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế.

2. Cơ quan quản lý xuất nhập cảnh có trách nhiệm dừng việc xuất cảnh của cá nhân khi có thông báo bằng văn bản hoặc thông tin điện tử từ cơ quan quản lý thuế về việc người dự kiến xuất cảnh chưa hoàn thành nghĩa vụ thuế theo quy định của pháp luật trước khi xuất cảnh.”

2. Áp dụng các căn cứ pháp lý để chứng minh

Công ty I thuộc loại hình Công ty TNHH một thành viên, do vậy theo Điều 73 Luật Doanh nghiệp nêu trên, chủ sở hữu công ty chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi số vốn điều lệ của công ty, theo Điều 8 của Luật Doanh nghiệp, Doanh nghiệp có nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.

Trường hợp này, ông T phải chấp hành nghĩa vụ khai thuế, nộp thuế và chấp hành xử lý vi phạm hành chính về thuế (nếu có) theo quy định của Luật quản lý thuế.

Căn cứ những quy định trên, cơ quan thuế phải thông báo cho cơ quan quản lý xuất nhập cảnh các trường hợp cá nhân chưa hoàn thành nghĩa vụ thuế đối với nhà nước.

3. Kiến nghị của Chi cục thuế

Việc Chi cục Thuế Quận M ban hành thông báo số 2588/CCT-KTr4 ngày 23/10/2017 gửi Cục Quản lý xuất nhập cảnh về việc dừng xuất cảnh đối với ông T là đúng với quy định pháp luật. Đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của ông T.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 09/2018/HC-ST ngày 21 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử:

“- Căn cứ các khoản 1 Điều 3, Điều 30, Điều 31, Điều 116, Điều 157, Điều 158, Điều 193, 194 và 206 Luật tổ tụng hành chính năm 2015;

- Căn cứ Điều 8, Điều 73 Luật doanh nghiệp năm 2014;

- Căn cứ Khoản 4 Điều 21 Nghị định 136/2007/NĐ-CP ngày 18/08/2007;

- Căn cứ Điều 53 Luật Quản lý thuế 78/2006/QH11 ngày 29/11/2006;

- Căn cứ Khoản 10 Điều 5 Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ sửa đổi bổ sung Điều 40 Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/07/2013 của Chính phủ;

- Căn cứ Khoản 12 Điều 2 Thông tư 26/2015/TT-BTC ngày 27/02/2015 của Bộ Tài Chính sửa đổi Điều 40 thông tư 156/2013-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài Chính;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/6/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1/ Bác yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn T về việc yêu cầu Tòa án nhân dân Quận M tuyên hủy Thông báo số 2588/CCT-KTr4 ngày 23/10/2017 của Chi cục thuế Quận M, Tp.HCM (gọi tắt là Chi cục thuế) yêu cầu cơ quan có thẩm quyền dừng xuất cảnh và những văn bản khác liên quan đến việc yêu cầu dừng xuất cảnh đối với ông T; Yêu cầu Chi cục thuế Quận M, Tp.HCM bồi thường thiệt

hại về danh dự cũng như thiệt hại do ông T không được xuất cảnh số tiền là 50.000.000đ; Chi cục thuế Quận M, Tp.HCM phải xin lỗi công khai ông Trần Văn T bằng hình thức văn bản và bằng 03 số báo liên tiếp của cơ quan báo chí cấp Trung ương.”

Ngoài ra bản án còn tuyên án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 03/12/2018 ông T nộp đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 09/2018/HC-ST ngày 21 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân Quận M, ông T nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định, yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh sửa án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông T có ông Lê Trường H là người đại diện hợp pháp và Luật sư Nguyễn Hoàng H1 trình bày:

Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm:

-Áp dụng sai pháp luật để xét xử;

-Không có cơ sở xác định cá nhân ông T nợ thuế;

-Yêu cầu Cơ quan xuất nhập cảnh tạm dừng việc xuất cảnh của ông T không có căn cứ pháp luật;

-Không đưa công ty I vào tham gia tố tụng là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng hành chính.

-Bản án không căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa dẫn đến việc xét xử thiếu khách quan, không đúng pháp luật.

Đề nghị sửa án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chi cục trưởng Chi cục Thuế Quận M, bà Đặng Thị P và ông A Văn T1 có ý kiến:

Đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

-Về thủ tục tố tụng:

Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng hành chính trong quá trình giải quyết và xét xử phúc thẩm vụ án hành chính.

Các đương sự thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

-Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy án sơ thẩm vì cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, cụ thể:

-Không đưa Chi cục Thuế Quận M và Công ty I tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;

-Không tổ chức phiên họp công khai chứng cứ;

-Xét xử vượt phạm vi yêu cầu của đương sự; không đình chỉ giải quyết đối với phần nội dung khởi kiện đương sự đã rút yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1.]. Ông T nộp đơn kháng cáo trong hạn luật định, nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đúng thời hạn qui định tại Điều 206 và Điều 209 Luật Tố tụng hành chính nên kháng cáo là hợp lệ và được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2.]. Người đại diện hợp pháp của Chi cục trưởng Chi cục thuế Quận M có yêu cầu xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 225 Luật Tố tụng hành chính xét xử vắng mặt đương sự.

[3.]. Về thời hiệu khởi kiện.

Việc khởi kiện của ông T còn trong thời hiệu khởi kiện.

[4.]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp.

Theo Đơn khởi kiện nộp ngày 18/9/2018, ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

-Hủy Thông báo số 2588/CCT-KTr4 ngày 23/10/2017 của Chi cục thuế Quận M về yêu cầu cơ quan có thẩm quyền dừng xuất cảnh và những văn bản khác liên quan đến việc yêu cầu dừng xuất cảnh đối với ông T;

-Yêu cầu Chi cục thuế Quận M bồi thường thiệt hại về danh dự cũng như thiệt hại do ông T không được xuất cảnh số tiền là 100.000.000 đồng;

-Chi cục thuế Quận M phải xin lỗi công khai ông T bằng hình thức văn bản và bằng 03 số báo liên tiếp của cơ quan báo chí cấp Trung ương.

Căn cứ vào đơn khởi kiện của ông T, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực thuế và yêu cầu bồi thường thiệt hại trong vụ án hành chính.

[5.]. Xét về thủ tục tố tụng.

Hội đồng xét xử nhận thấy trong quá trình thụ lý, chuẩn bị xét xử và xét xử vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã có nhiều thiếu sót và vi phạm thủ tục tố tụng.

[5.1]. Đối với yêu cầu khởi kiện: Hủy Thông báo số 2588/CCT-KTr4 ngày 23/10/2017 của Chi cục thuế Quận M về yêu cầu cơ quan có thẩm quyền dừng xuất cảnh và những văn bản khác liên quan đến việc yêu cầu dừng xuất cảnh đối với ông T.

-Xét Thông báo số 2588/CCT-KTr4 ngày 23/10/2017:

Theo qui định tại Điều 96 Luật Quản lý thuế năm 2006, Điều 23 Nghị định 129/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 quy định về xử phạt vi phạm hành chính về thuế và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế của Chính phủ, Điều 4 và Điều 8 Thông tư số 215/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 quy định về xử phạt vi phạm hành chính về thuế và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế của Bộ Tài chính, có cơ sở xác định Thông báo số 2588/CCT-KTr4 ngày 23/10/2017 là quyết định hành chính của Chi cục trưởng Chi cục thuế Quận M, được ban hành để đảm bảo việc tổ chức thi hành các quyết định cưỡng chế thuế.

Khoản 2, Điều 3 Luật tố tụng hành chính năm 2015 qui định:

“2. Quyết định hành chính bị kiện là quyết định quy định tại khoản 1 Điều này mà quyết định đó làm phát sinh, thay đổi, hạn chế, chấm dứt quyền, lợi ích

hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân hoặc có nội dung làm phát sinh nghĩa vụ, ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân. ...”

Như vậy, Thông báo số 2588/CCT-KTr4 ngày 23/10/2017 là đối tượng khởi kiện, được Tòa án thụ lý giải quyết bằng vụ án hành chính và Người bị kiện phải là: Chi cục thuế Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

-Xét yêu cầu hủy “những văn bản khác liên quan đến việc yêu cầu dừng xuất cảnh đối với ông T”

Yêu cầu này không phù hợp với qui định tại khoản 1 Điều 118 Luật Tổ tụng hành chính vì không xác định văn bản bị khởi kiện là văn bản nào, có nội dung gì, do chủ thể nào ban hành, có phải đối tượng khởi kiện trong vụ án hành chính hay không..., Tòa án cấp sơ thẩm không căn cứ vào Điều 122 Luật Tổ tụng hành chính để yêu cầu đương sự sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện, xử lý đơn khởi kiện theo đúng qui định pháp luật mà tiến hành thụ lý, giải quyết là vi phạm thủ tục tố tụng.

[5.2]. Đối với yêu cầu khởi kiện:

- Buộc Chi cục thuế Quận M phải bồi thường thiệt hại về danh dự cũng như thiệt hại do ông T không được xuất cảnh số tiền là 100.000.000 đồng.

- Buộc Chi cục thuế Quận M phải xin lỗi công khai ông T bằng hình thức văn bản và bằng 03 số báo liên tiếp của cơ quan báo chí cấp Trung ương.

Theo qui định của Luật Trách nhiệm bồi thường Nhà nước năm 2017, Điều 112 Luật Quản lý thuế năm 2006, trách nhiệm bồi thường thiệt hại (nếu có) thuộc về Chi cục thuế Quận M, Tòa án cấp sơ thẩm không đưa Chi cục thuế Quận M vào tham gia tố tụng là thiếu người tham gia tố tụng.

[5.3]. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử:

Cấp sơ thẩm không tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng được qui định tại khoản 5 Điều 131, Điều 136, Điều 138 và Điều 139 Luật Tổ tụng hành chính.

[5.4]. Xét xử vượt phạm vi yêu cầu khởi kiện của đương sự:

Căn cứ Biên bản phiên tòa ngày 21/11/2018 của Tòa án nhân dân quận M (bút lục 66-69), ông T có ông Hải đại diện chỉ yêu cầu Tòa án hủy Thông báo số 2588/CCT-KTr4 ngày 23/10/2017 (bút lục 66 và 68), không yêu cầu hủy “những văn bản khác liên quan đến việc yêu cầu dừng xuất cảnh đối với ông T” nhưng cấp sơ thẩm vẫn xét xử và quyết định bác yêu cầu này là xét xử vượt phạm vi yêu cầu khởi kiện của đương sự, vi phạm quy định tại Điều 8 và Điều 173 Luật Tổ tụng hành chính.

[6]. Tòa án nhân dân Quận M đã có nhiều thiếu sót và vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng nên cần hủy án sơ thẩm để giao về Tòa án nhân dân Quận M xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm.

Do hủy án nên Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét về nội dung.

[7]. Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[8]. Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông T không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn tiền tạm ứng án phí phúc thẩm cho ông T.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 241 và Điều 242 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ;

Tuyên xử:

1. Hủy bản án sơ thẩm số 09/2018/HC-ST ngày 21 tháng 11 năm 2018 “V/v khởi kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực thuế” của Tòa án nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chuyển hồ sơ cho Tòa án nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử lại theo thẩm quyền.

2. Án phí hành chính phúc thẩm:

Ông T không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Hoàn trả cho ông T số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu số AA/2017/0045170 ngày 03/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh;
- VKSND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Tòa án nhân dân Quận M, TP.HCM;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận M, TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Bảo Nguyên